

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 05/6/2020.

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Viết Chấn. Chức vụ: Cán bộ Trung tâm Y tế thị trấn Phước An.

2. Ông Phạm Xuân Mỹ. Chức vụ: Hiệu trưởng trường dân tộc nội trú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình. Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05/6/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 412/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 29/5/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị T. Sinh năm 1992.

Nơi ĐKNKTT: Thôn H 2, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk

Chỗ ở hiện nay: Thôn L 2, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Th. Sinh năm 1988.

Chỗ ở hiện nay: Thôn H 2, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày: Tôi với anh Nguyễn Xuân Th yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện P ngày 24/5/2012, theo giấy chứng nhận kết hôn số 59/2012, quyển số 01/2012. Trong quá trình chung sống chúng tôi có 01 con chung là Nguyễn Trịnh Nguyên K, sinh ngày 16/5/2013.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp, quan điểm sống không đồng nhất nên thường cãi vã đánh đập nhau, do mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên chúng tôi đã không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Tháng 6/2017 tôi có gửi đơn xin ly hôn với anh Th đến Tòa án nhân dân huyện P, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã phân tích hòa giải và anh Th hứa sẽ thay đổi nên tôi đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay anh Th vẫn không thay đổi tính tình. Vì vậy từ tháng 10/2019 tôi dẫn theo cháu K về nhà mẹ đẻ ở thôn L 2, xã E, huyện P sống ly thân với anh Th cho đến nay.

Nhận thấy đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi làm đơn xin ly hôn với nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Th.

Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Trịnh Nguyên K, sinh ngày 16/5/2013 cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự cho nguyên đơn, bị đơn, tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên anh Nguyễn Xuân Th vắng mặt không có lý do. Áp dụng khoản 3 Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt đối với anh Nguyễn Xuân Th và căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Nguyễn Xuân Th đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đều thực hiện đúng các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Xuân Th mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án là vi phạm Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015. Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình (HNGĐ) đề nghị HĐXX tuyên: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Th.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Trịnh Nguyên K, sinh ngày 16/5/2013 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.

Chị Trịnh Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Xuân Th trợ cấp tiền nuôi con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đề cập để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về hình thức: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị T, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Xét thấy tại thời điểm chị T làm đơn khởi kiện, bị đơn anh Nguyễn Xuân Th đang cư trú tại thôn H 2, E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo tham gia phiên tòa nhưng anh Nguyễn Xuân Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, chị Trịnh Thị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Th, chị T là có căn cứ, phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của BLTTDS năm 2015.

[2] Xét về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Xuân Th. Nhận thấy chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Xuân Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện P ngày 24/5/2012, theo giấy chứng nhận kết hôn số 59/2012, quyển số 01/2012, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó do tính tình không hợp, quan điểm sống không đồng nhất nên vợ chồng thường xuyên xung đột gia đình. Do mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên tháng 6/2017 chị Thu đã làm đơn xin ly hôn anh Thiện và được Tòa án phân tích, hòa giải nên chị T đã tự nguyện rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng do anh Th không thay đổi lối sống nên vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Đề có căn cứ pháp lý giải quyết vụ án ngày 11/5/2020 Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương và được chính quyền địa phương cung cấp rằng “Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, lối sống mỗi người một khác nhau nên thường xuyên xảy ra việc đánh đập lẫn nhau, chính quyền địa phương đã động viên, hòa giải nhưng do mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên chị T đã bỏ theo con nhỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 9/2019 cho đến nay”.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Xuân Th đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Trịnh Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Th là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Xuân Th có 01 con chung là cháu Trịnh Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 16/5/2013. Nguyên vọng của chị T xin được nuôi cháu K.

Theo xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương thì chị T làm nghề buôn bán tự do, còn anh Th làm nghề buôn bán Lợn (Heo), có thu nhập ổn định nên cả hai đều có đầy đủ mọi điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn cần phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, từ khi chị T và anh Th sống ly thân thì chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Mặc khác hiện nay bản thân cháu K đang còn nhỏ nên cần sự quan tâm chăm sóc, giáo dục đặc biệt của người mẹ. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc cháu K tròn 18 tuổi và trao cho anh Th quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp với hoàn cảnh thực tế và quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trịnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203; Khoản 3 Điều 209, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Xuân Th.

- Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Trịnh Nguyễn K, sinh ngày 16/5/2013 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho khi cháu K đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Xuân Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trịnh Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Xuân Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đề cập đến để giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trịnh Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập để giải quyết.

- Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0003925, ngày 05 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện P;
- Chi cục Thi hành án huyện P;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã E
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

(Đã ký)

Võ Thanh Hà